

Hà Nội, ngày 03 tháng 06 năm 2025

**BIÊN BẢN**

**Niêm yết công khai kết quả thực hiện chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ  
chi phí học tập năm học 2024 - 2025**

Hôm nay, vào hồi 8 h10 ngày 03 tháng 06 năm 2025

Tại: Trường THPT Lê Quý Đôn – Hà Đông.

- 1, Đ/C Nguyễn Gia Khánh - Chức vụ: Hiệu trưởng.
- 2, Đ/C Nguyễn Thị Thanh Hiền – Chức vụ: Phó hiệu trưởng.
- 3, Đ/C Vũ Thị Bích - Chức vụ: Trưởng ban thanh tra nhân dân.
- 4, Đ/C Hoàng Thùy Dung - Chức vụ: Kế toán
- 5, Đ/C Nguyễn Thị Mai Phương – Chức vụ: Thủ quỹ

Lập biên bản về việc niêm yết công khai kết quả thực hiện chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024 - 2025 của trường THPT Lê Quý Đôn – Hà Đông bằng hình thức **Niêm yết** tại trụ sở làm việc.

Trường THPT Lê Quý Đôn – Hà Đông xin báo cáo và trình kết quả thực hiện chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024 - 2025 như sau:

**I. Các đối tượng được miễn học phí và giảm học phí.**

- Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính Phủ; thực hiện đầy đủ các chế độ khác cho học sinh theo đúng các văn bản quy định.

| TT | Họ và tên              | Lớp   | Thuộc đối tượng     | Số tháng miễn giảm học phí | Số tiền được miễn giảm học phí |
|----|------------------------|-------|---------------------|----------------------------|--------------------------------|
| 1  | Nguyễn Minh Thư        | 10A8  | Học sinh khuyết tật | 9                          | 1.953.000                      |
| 2  | Trần Duy Anh           | 10A8  | Học sinh khuyết tật | 9                          | 1.953.000                      |
| 3  | Phạm Duy Anh           | 10A10 | Học sinh khuyết tật | 9                          | 1.953.000                      |
| 4  | Nguyễn Tiến Dũng       | 10A10 | Học sinh khuyết tật | 9                          | 1.953.000                      |
| 5  | Nguyễn Hữu Tuấn        | 10A11 | Học sinh khuyết tật | 9                          | 1.953.000                      |
| 6  | Nguyễn Viết Anh Kiệt   | 10A11 | Học sinh khuyết tật | 9                          | 1.953.000                      |
| 7  | Nguyễn Đức Hòa         | 10D2  | Học sinh khuyết tật | 9                          | 1.953.000                      |
| 8  | Lê Thu Hà              | 10D2  | Học sinh khuyết tật | 9                          | 1.953.000                      |
| 9  | Nguyễn Tiến Nhật Minh  | 10D4  | Học sinh khuyết tật | 9                          | 1.953.000                      |
| 10 | Nguyễn Phương Linh     | 10D4  | Học sinh khuyết tật | 9                          | 1.953.000                      |
| 11 | Phạm Song Tuấn Minh    | 11A3  | Học sinh khuyết tật | 9                          | 1.953.000                      |
| 12 | Nguyễn Phạm Quang Minh | 11A7  | Học sinh khuyết tật | 9                          | 1.953.000                      |
| 13 | Nguyễn Tiến Hoàng      | 11A11 | Học sinh khuyết tật | 9                          | 1.953.000                      |
| 14 | Đặng Thị Bảo Thi       | 11A12 | Con thương binh     | 9                          | 1.953.000                      |
| 15 | Phạm Hoàng Minh        | 11A12 | Học sinh khuyết tật | 9                          | 1.953.000                      |

ĐẶC  
T  
H  
L  
P

| TT | Họ và tên              | Lớp  | Thuộc đối tượng     | Số tháng miễn giảm học phí | Số tiền được miễn giảm học phí |
|----|------------------------|------|---------------------|----------------------------|--------------------------------|
| 16 | Phạm Chúc An           | 11D1 | Học sinh khuyết tật | 9                          | 1.953.000                      |
| 17 | Lê Diệu Linh           | 11D1 | Con thương binh     | 9                          | 1.953.000                      |
| 18 | Lê Quang Trung Dũng    | 11D3 | học sinh khuyết tật | 9                          | 1.953.000                      |
| 19 | Vũ Hoàng Nguyên        | 11D4 | học sinh khuyết tật | 9                          | 1.953.000                      |
| 20 | Đỗ Tiến Thành          | 11D5 | học sinh khuyết tật | 9                          | 1.953.000                      |
| 21 | Hoàng Lê Dũng          | 11D6 | học sinh khuyết tật | 9                          | 1.953.000                      |
| 22 | Đinh Hoàng Anh         | 12A3 | học sinh khuyết tật | 9                          | 1.953.000                      |
| 23 | Trương Quang Nguyên Vũ | 12A6 | Học sinh khuyết tật | 9                          | 1.953.000                      |
| 24 | Nguyễn Vi Huy          | 12A8 | Hộ cận nghèo        | 9                          | 976.500                        |
| 25 | Lê Hồng Sơn            | 12D1 | học sinh khuyết tật | 9                          | 1.953.000                      |

## II. Danh sách hỗ trợ chi phí học tập

| TT | Họ và tên            | Lớp   | Thuộc đối tượng     | Số tháng hỗ trợ chi phí học tập | Số tiền hỗ trợ chi phí học tập |
|----|----------------------|-------|---------------------|---------------------------------|--------------------------------|
| 1  | Nguyễn Minh Thu      | 10A8  | Học sinh khuyết tật | 9                               | 1.350.000                      |
| 2  | Trần Duy Anh         | 10A8  | Học sinh khuyết tật | 9                               | 1.350.000                      |
| 3  | Phạm Duy Anh         | 10A10 | Học sinh khuyết tật | 9                               | 1.350.000                      |
| 4  | Nguyễn Tiến Dũng     | 10A10 | Học sinh khuyết tật | 9                               | 1.350.000                      |
| 5  | Nguyễn Hữu Tuấn      | 10A11 | Học sinh khuyết tật | 9                               | 1.350.000                      |
| 6  | Nguyễn Viết Anh Kiệt | 10A11 | Học sinh khuyết tật | 9                               | 1.350.000                      |

T  
 U  
 C  
 UY  
 1 D  
 ★

| TT | Họ và tên              | Lớp   | Thuộc đối tượng     | Số tháng hỗ trợ chi phí học tập | Số tiền hỗ trợ chi phí học tập |
|----|------------------------|-------|---------------------|---------------------------------|--------------------------------|
| 7  | Nguyễn Đức Hòa         | 10D2  | Học sinh khuyết tật | 9                               | 1.350.000                      |
| 8  | Lê Thu Hà              | 10D2  | Học sinh khuyết tật | 9                               | 1.350.000                      |
| 9  | Nguyễn Tiến Nhật Minh  | 10D4  | Học sinh khuyết tật | 9                               | 1.350.000                      |
| 10 | Nguyễn Phương Linh     | 10D4  | Học sinh khuyết tật | 9                               | 1.350.000                      |
| 11 | Phạm Song Tuấn Minh    | 11A3  | Học sinh khuyết tật | 9                               | 1.350.000                      |
| 12 | Nguyễn Phạm Quang Minh | 11A7  | Học sinh khuyết tật | 9                               | 1.350.000                      |
| 13 | Nguyễn Tiến Hoàng      | 11A11 | Học sinh khuyết tật | 9                               | 1.350.000                      |
| 14 | Phạm Hoàng Minh        | 11A12 | Học sinh khuyết tật | 9                               | 1.350.000                      |
| 15 | Phạm Chúc An           | 11D1  | Học sinh khuyết tật | 9                               | 1.350.000                      |
| 16 | Lê Quang Trung Dũng    | 11D3  | học sinh khuyết tật | 9                               | 1.350.000                      |
| 17 | Vũ Hoàng Nguyên        | 11D4  | học sinh khuyết tật | 9                               | 1.350.000                      |
| 18 | Đỗ Tiến Thành          | 11D5  | học sinh khuyết tật | 9                               | 1.350.000                      |
| 19 | Hoàng Lê Dũng          | 11D6  | học sinh khuyết tật | 9                               | 1.350.000                      |
| 20 | Đinh Hoàng Anh         | 12A3  | học sinh khuyết tật | 9                               | 1.350.000                      |
| 21 | Trương Quang Nguyên Vũ | 12A6  | Học sinh khuyết tật | 9                               | 1.350.000                      |
| 22 | Lê Hồng Sơn            | 12D1  | học sinh khuyết tật | 9                               | 1.350.000                      |

Thời gian niêm yết: bắt đầu từ 8h10 ngày 03 tháng 06 năm 2025 sẽ kết thúc việc niêm yết vào hồi 8h10 ngày 03 tháng 07 năm 2025 ( 30 ngày liên tục).

Thực hiện niêm yết công khai kết quả thực hiện chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024 - 2025 của trường THPT Lê Quý Đôn – Hà Đông niêm yết tại nơi thuận tiện cho mọi người trong cơ quan, đơn vị và cha mẹ phụ huynh học sinh biết.

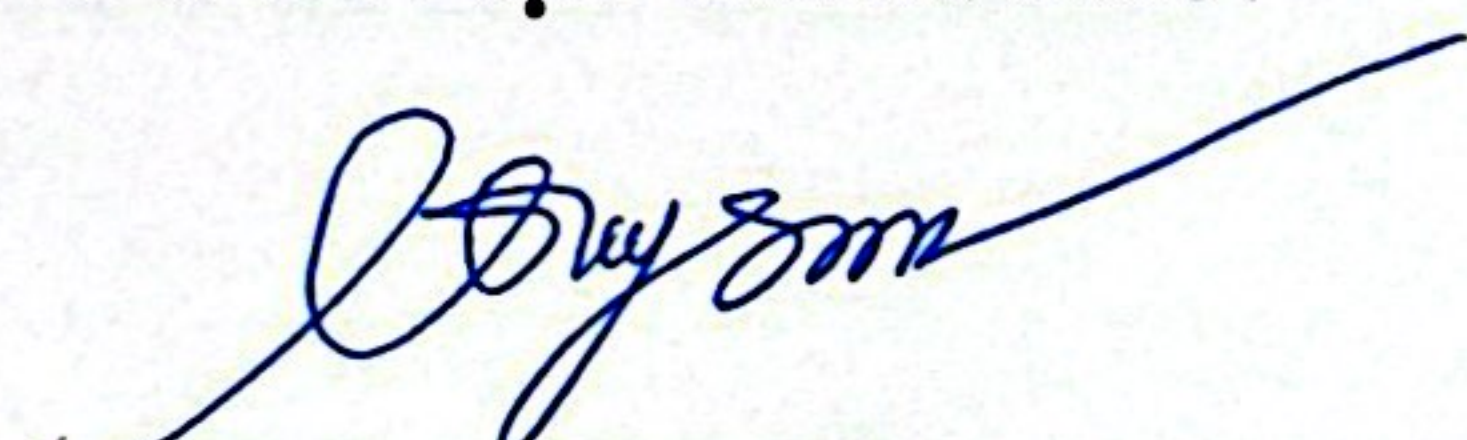
NG  
ĐƠN  
NG  
10N

Việc niêm yết này được thực hiện liên tục trong thời gian 30 ngày liên tục theo đúng thời gian được quy định, kết thúc việc niêm yết sẽ lập biên bản hoàn thành việc niêm yết.

Trong thời gian 30 ngày niêm yết công khai nếu không có bậc phụ huynh nào có ý kiến khác thì kết quả thực hiện chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024 - 2025 sẽ chính thức được hoàn thành kể từ khi biên bản kết thúc bảng công khai.

Biên bản lập xong hồi 8h30 cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN**

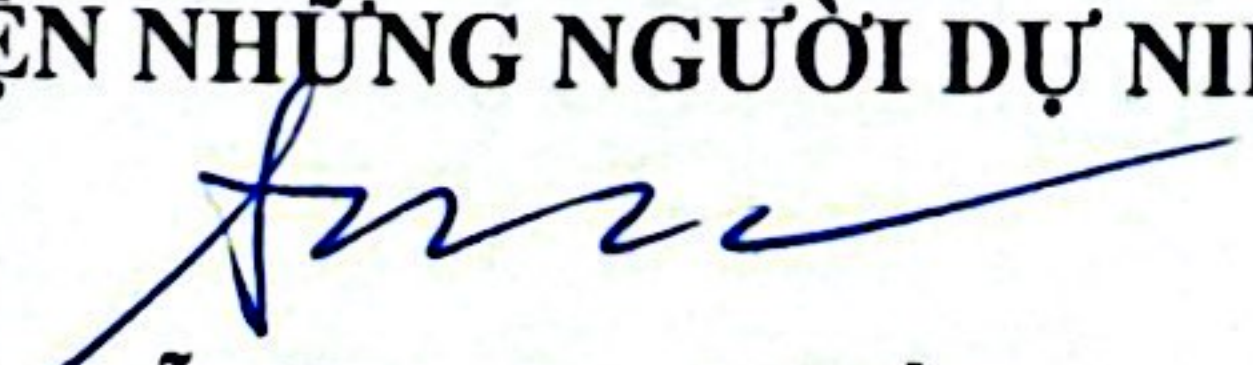
  
Hoàng Thùy Dung

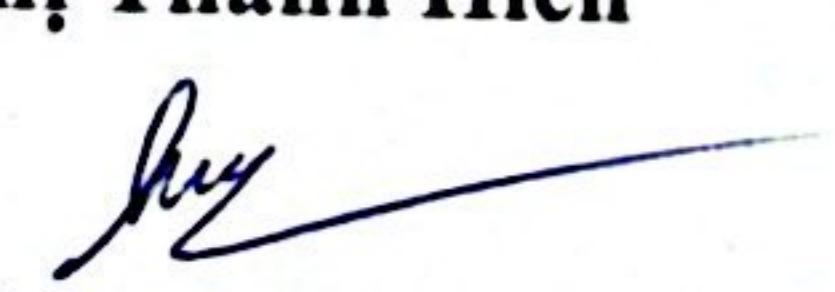
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



HIỆU TRƯỞNG  
*Nguyễn Gia Khánh*

**ĐẠI DIỆN NHỮNG NGƯỜI DỰ NIÊM YẾT**

  
1. Nguyễn Thị Thanh Hiền

  
2. Nguyễn Thị Mai Phương

  
3. Vũ Thị Bích

